TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08 /2023/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 610/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. ông Bùi Quang K, sinh năm 1979
2. bà Lê Minh H, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện trả cho ông Bùi Quang K, bà Lê Minh H số tiền hụi còn thiếu của dây hụi 2.000.000 đồng, xác lập ngày 09/01/2021 âm lịch là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). ông K, bà H thống nhất nhận số tiền này.

Về thời gian trả: Ông Bùi Quang K, bà Lê Minh H với bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Quang K, bà Lê Minh H với bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận mỗi bên chịu 50% tiền án phí**.** Do đó, ông K, bà H phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí nhưng được cấn trừ vào 335.000 đồng *(Ba trăm, ba mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013602 ngày 04 tháng 11 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Ông K, bà H được nhận lại 185.000 đồng *(Một trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* tiền chênh lệch. Bà T có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang